

Số: **665** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **10** tháng **6** năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần tư vấn và phát triển kỹ thuật tài nguyên nước và Biên bản đánh giá ngày 03 tháng 6 năm 2019,

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty cổ phần tư vấn và phát triển kỹ thuật tài nguyên nước

Mã số thuế: 0400452152

Địa chỉ: 299 Huỳnh Ngọc Huệ, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm & Quản lý chất lượng.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 299 Huỳnh Ngọc Huệ, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

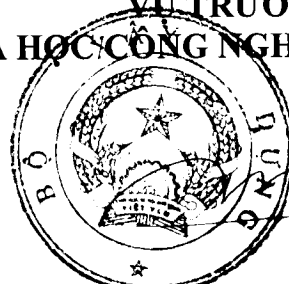
2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 317**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 462/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần tư vấn và phát triển kỹ thuật tài nguyên nước;
- Sở XD Tp. Đà Nẵng;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

## DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 317

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 665/GCN-BXD, ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
1	- Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030-03
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016-11
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017-15
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106-93
5	- Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108-93
6	- Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111-93
7	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112-93
8	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113-93
9	- Xác định độ mài mòn	TCVN 3114-93
10	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115-93
11	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116-93
12	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118-93
13	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119-93
14	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120-93
<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>		
15	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
16	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
17	- Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
18	- Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
19	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
20	- Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
21	- Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
22	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
23	- Độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
24	- Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:06
25	- Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
26	- Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
27	- Xác định hàm lượng mi ca	TCVN 7572-20:06
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>		
28	- Xác định khối lượng riêng ( tỷ trọng)	TCVN 4195-12
29	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196-12
30	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197-12
31	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198-14
32	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-12
33	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200-12
34	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201-12
35	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202-12
36	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất trong phòng TN (CBR)	22TCN 332 - 06
37	- Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	14 TCN 139-05
<b>KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG</b>		
38	- Thử kéo	TCVN 197-2014

39	- Thử uốn	TCVN 198-2008
40	- Kiểm tra chất lượng môi hàn, thử uốn	TCVN 5401-2010
41	- Thử kéo môi hàn kim loại	TCVN 5403-2010
<b>THỬ NỀN, MẶT ĐƯỜNG TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		
42	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN8729-12;TCVN8728-12 TCVN8730 - 12;
43	- Độ ẩm; KLTT (dung trọng) của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	TCVN8729 - 12; TCVN8728 - 12;
44	-Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864 - 12
45	- Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng bằng tấm ép cứng	TCVN8861 - 11
46	- Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường mềm bằng cần đo độ võng Benkelman	TCVN8867 - 11
47	- PP không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để XD cường độ nén của bê tông	TCXD 171-89 TCVN9335 - 2012
48	- Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCXD 162-04 TCVN9334 - 2012
<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>		
49	-Thành phần hạt	22TCN 58-84
50	-Lượng mất khi nung	22TCN 58-84
51	-Hàm lượng nước	22TCN 58-84
52	-Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
53	-KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58-84
54	-Hệ số háo nước	22TCN 58-84
55	-Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58-84
56	-Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
57	-KL- TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58-84
58	-Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58-84
59	-Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY</b>		
60	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355 - 2: 09
61	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355 - 3: 09
62	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355 - 4: 09
63	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355 - 5: 09
64	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355 - 6: 09
65	-Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355 - 4: 98
<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>		
66	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121- 1:03 TCVN 9028-11
67	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121- 3:03 TCVN 9028-11
68	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121- 6:03 TCVN 9028-11
69	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121- 10:03 TCVN 9028 - 11
70	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121- 11 : 03
71	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121- 18 : 03
<b>NHỰA BITUM</b>		
72	- Xác định độ kim lún ở 250C	TCVN 7495 - 05
73	- Xác định độ kéo dài ở 250C	TCVN 7496 - 05
74	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng bi)	TCVN 7497 - 05

75	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498 - 05 TCVN 8818-2 - 11
76	- Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 1630C trong 5h	TCVN 7499 - 05
77	- Xác định tỉ lệ độ kim lún của nhựa đường sau khi đun nóng ở 1630C trong 5h so với độ kim lún ở 250C	22 TCN 279 : 2001
78	- Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500 - 05
79	- Xác định khối lượng riêng ở 250C	TCVN 7501 - 05
80	- Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504 - 05
<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
81	- Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860 - 1 : 11
82	- Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860 - 2 : 11
83	- Xác định thành phần hạt	TCVN 8860 - 3 : 11
84	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860 - 4 : 11
85	- Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860 - 5 : 11
86	-Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860 - 6 : 11
87	- Xác định hệ số độ chặt lu lắn	TCVN 8860 - 8 : 11
88	- Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860 - 9 : 11
89	- Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860 - 10 : 11
90	- Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860 - 11 : 11
91	- Xác định độ ổn định còn lại của BTN	TCVN 8860 - 12 : 11
92	- Thiết kế thành phần cấp phối BTN	TCVN 8820 - 2011
<b>THỦ CƠ LÝ GẠCH</b>		
93	- Thử nghiệm cơ lý gạch Bloc bê tông	TCVN 6477 : 2016
94	-Thử nghiệm gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476 : 2099

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.